

Bản án số: 25/2025/HNGĐ- ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2025
“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Trần Văn Học

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Phú Thọ tham gia phiên toà:**
Ông Lưu Hải Dương– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị S, sinh năm 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Đ, tỉnh Phú Thọ; nay đang trú tại: Xóm R, xã M, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, tỉnh Phú Thọ, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/02/2025 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị S trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 05/6/2017 Trước khi cưới có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà (Cũ). Sau ngày cưới chị về ở cùng gia đình nhà chồng. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã nhau, ngoài ra anh T còn ham mê cờ bạc, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe dẫn đến tình cảm rạn nứt và phải sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 31/01/2019. Hiện hai cháu đang ở với

chị. Ly hôn chị xin nuôi cháu cháu Bình và cháu T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án triệu tập anh Nguyễn Văn T đến tòa để giải quyết việc chị Hà Thị S xin ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2025 mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị E khai: Hiện anh T đi làm ăn xa không có mặt ở nhà, bà có nhận nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án báo cho anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để giải quyết việc chị S xin ly hôn. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án bà có điện thoại ngay cho anh T và thông báo ngày giờ đến tòa để làm việc nhưng anh T có nói với bà là anh bận không về để giải quyết ly hôn được tùy tòa giải quyết thế nào thì giải quyết, anh có nói là chị S xin ly hôn anh nhất trí còn con chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Văn T sinh năm 2019. Ly hôn anh đề nghị giải quyết con chung theo Pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ công sức đất canh tác anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2025, UBND xã Đ, tỉnh Phú Thọ cho biết chị S và anh T cưới có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không rõ. Hiện anh T không có mặt tại địa phương, anh đang làm gì và ở đâu địa phương không rõ.

Tại biên bản lấy lời khai cháu cháu Nguyễn Ngọc B và cháu Nguyễn Văn T khai: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu xin ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc trình bày quan điểm như sau: .

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quy định của tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị S, cho chị Hà Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Hà Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 31/01/2019. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị S nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T. Bị đơn anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1 xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần 2 anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị S kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 05/6/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Thanh S (Cũ) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do mâu thuẫn dẫn đến rạn nứt tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho anh T đến tòa để hòa giải nhưng anh T cũng không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị S xử cho anh chị ly hôn để các bên có điều kiện ổn định cuộc sống riêng của mình.

[4] Về con chung: Chị S, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 31/01/2019. Hiện hai cháu đang ở với chị S. Ly hôn chị S xin nuôi 02 cháu không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị S là tự nguyện phù hợp thực tế và pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị S là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không trình bày lời khai nên không rõ quan điểm. Nếu sau khi ly hôn anh T có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 31/01/2019 (Hiện 02 cháu đang ở với chị). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003627 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc (Cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10- Phú Thọ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10-Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10-Phú thọ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận